

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VỀ KHÓA HỌC ĐỢT 1 NĂM 2018

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Mục đích khảo sát

- Biết được mức độ đáp ứng của Trường về chất lượng đội ngũ giảng viên (GV), chất lượng đào tạo và phục vụ cũng như các điều kiện về sinh hoạt, đời sống dành cho sinh viên trong thời gian học tại Trường.

- Giúp Nhà trường và lãnh đạo các Phòng/Ban/Khoa/Bộ môn (1) có cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường; (2) xây dựng chính sách hỗ trợ cán bộ, GV, nhân viên và sinh viên trong công tác giảng dạy, phục vụ và học tập.

- Tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học đối với quyền lợi và nghĩa vụ học tập; tạo điều kiện để sinh viên tốt nghiệp (SVTN) được phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện ý kiến về công tác tổ chức đào tạo của Nhà trường.

2. Đối tượng và thời gian khảo sát

- SVTN hệ chính quy đợt 1 năm 2018 (tháng 6/2018) của Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM.

- Khảo sát được thực hiện từ ngày 17/5 – 16/6/2018.

3. Hình thức khảo sát

SVTN thực hiện 1 trong 2 hình thức sau:

- Khảo sát online: SVTN đăng nhập vào hệ thống www.survey.uit.edu.vn và hoàn thành phiếu khảo sát theo hướng dẫn. Phòng DL&CNTT, Phòng CTSV hỗ trợ triển khai hoạt động khảo sát trực tuyến.

- Khảo sát bằng phiếu giấy: SVTN thực hiện khảo sát tại Phòng ĐTDH hoặc Văn phòng các CTĐB.

4. Nội dung khảo sát

- Khảo sát thu thập thông tin về:

- Sơ lược tình hình tốt nghiệp của SV;
- Ý kiến đánh giá của SVTN về mục tiêu và chương trình đào tạo; đội ngũ GV;

công tác quản lý và phục vụ đào tạo; đánh giá chung.

- Phòng TT-PC-ĐBCL đã xây dựng phiếu khảo sát gồm: 04 câu hỏi về tình hình việc làm; 27 câu hỏi/tiêu chí đánh giá về khóa học với thang đo Likert 4 mức độ: Chưa tốt/Hài lòng - Bình thường - Tốt/Hài lòng - Rất tốt/Hài lòng.

- Kết quả thu thập được xử lý bằng các phần mềm SPSS, Excel.

5. Thực trạng SV tốt nghiệp tham gia khảo sát

Đợt khảo sát đã thu được ý kiến đánh giá của 224/293 SVTN, đạt tỷ lệ 76.5%. Số lượng này đảm bảo ý nghĩa về mặt thống kê cho việc phân tích các dữ liệu thu được theo công thức: $n = \frac{N}{1+N.e^2}$ (đối với cỡ mẫu nhỏ).

So với đợt 2/2017 (82.8%) và đợt 1/2017 (84.6%), tỷ lệ SVTN tham gia khảo sát đợt này giảm khá mạnh, nguyên nhân là do Trường bắt đầu áp dụng quy định mới về thời gian trao bằng cho SVTN (có sự linh hoạt, không tập trung thành 1 đợt như các năm trước).

Dưới đây là thống kê chi tiết tình hình khảo sát:

STT	Ngành đào tạo	SL Tốt nghiệp	SL Khảo sát	Tỷ lệ (%)
1.	Công nghệ Thông tin	8	7	87.5
2.	Hệ thống Thông tin	22	17	77.3
3.	Hệ thống Thông tin (Chuyên ngành Thương mại điện tử)	10	7	70.0
4.	Hệ thống Thông tin (CTTT)	14	7	50.0
5.	Khoa học Máy tính	28	20	71.4
6.	Khoa học Máy tính (CTTN)	7	4	57.1
7.	Kỹ thuật Máy tính	29	17	58.6
8.	Kỹ thuật Máy tính (CLC)	6	5	83.3
9.	Kỹ thuật Phần mềm	56	52	92.9
10.	Kỹ thuật Phần mềm (CLC)	13	9	69.2
11.	Truyền thông và Mạng máy tính	82	61	74.4
12.	Truyền thông và Mạng máy tính (Chuyên ngành An ninh thông tin)	18	18	100.0
Tổng cộng		293	224	76.5

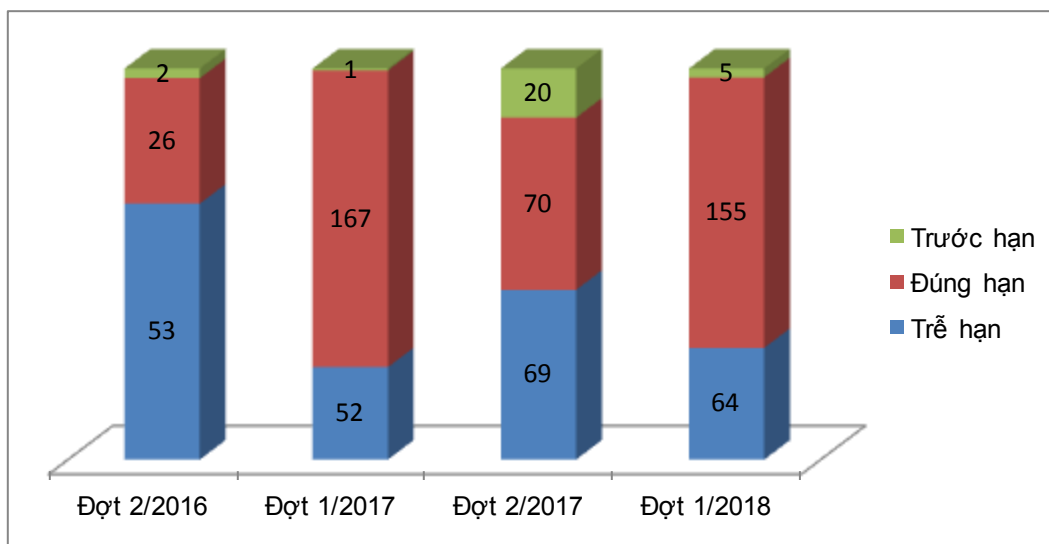
Bảng 1. Số lượng SVTN tham gia khảo sát theo ngành đào tạo

B. TÌNH HÌNH TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN

1. Thời điểm SVTN so với quy định của Trường

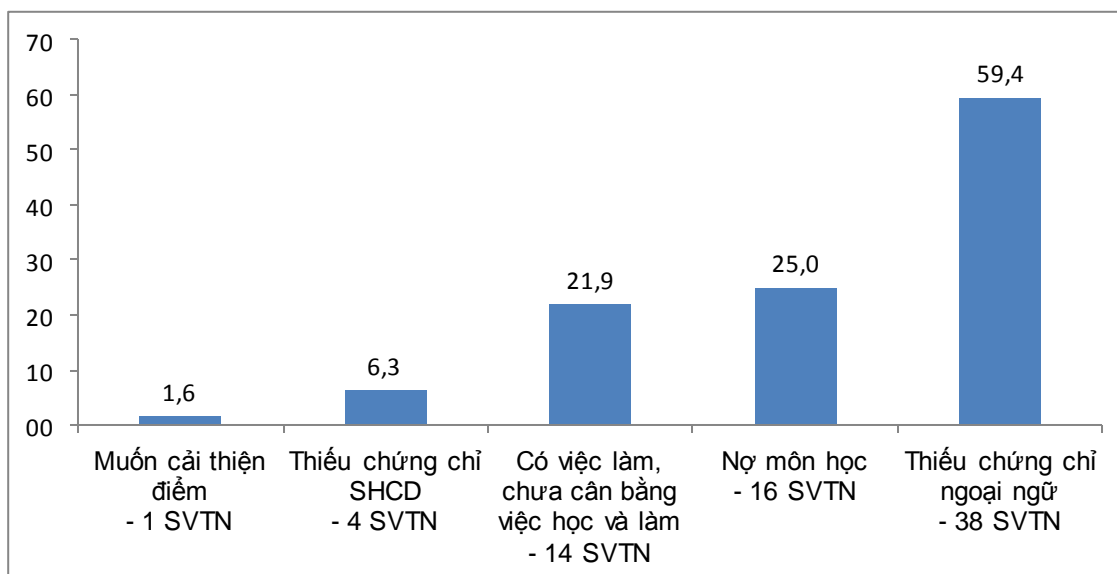
Trong số 224 SVTN tham gia khảo sát, có 155 SV (69.2%) tốt nghiệp đúng thời hạn theo quy định của Trường, 64 SV (28.6%) tốt nghiệp trễ hạn và 5 SV (2.2%) tốt nghiệp trước hạn.

Sau đây là tình hình tốt nghiệp của SV đã tham gia khảo sát qua một số đợt:



Biểu đồ 1. Số lượng SVTN theo quy định qua các đợt khảo sát

Dưới đây là các nguyên nhân khiến 64 SVTN trễ hạn trong đợt 1/2018:



Biểu đồ 2. Tỷ lệ SV tốt nghiệp trễ hạn theo các nguyên nhân (%)

Số lượng SVTN trễ hạn theo nguyên nhân của từng ngành:

Ngành đào tạo	Các nguyên nhân					Tổng
	Nợ môn học	Muốn cải thiện điểm	Có việc làm	Thiếu chứng chỉ ngoại ngữ	Thiếu chứng chỉ SHCD	
Công nghệ Thông tin	-	-	-	4	1	5
Hệ thống Thông tin	4	-	4	11	1	20

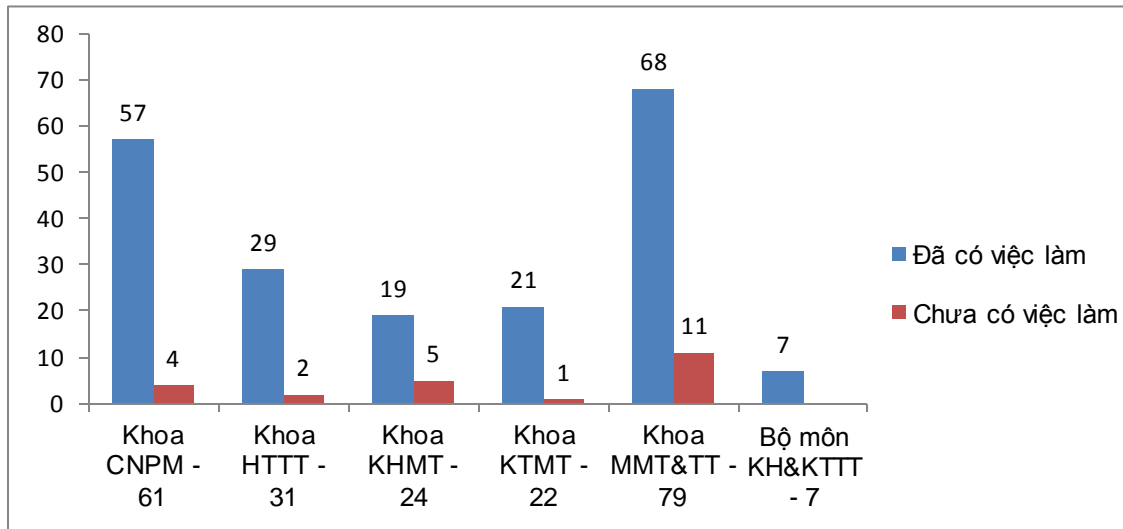
(CQ+TMĐT+CTTT)						
Khoa học Máy tính (CQ+CTTN)	6	1	1	10	1	19
Kỹ thuật Máy tính	1	-	-	-	-	1
Kỹ thuật Phần mềm	2	-	5	7	-	14
Truyền thông và Mạng máy tính	3	-	4	6	1	14
Tổng	16	1	14	38	4	73

Bảng 2. Số lượng SVTN trễ hạn theo nguyên nhân của từng ngành

2. Tình hình việc làm của SV tốt nghiệp

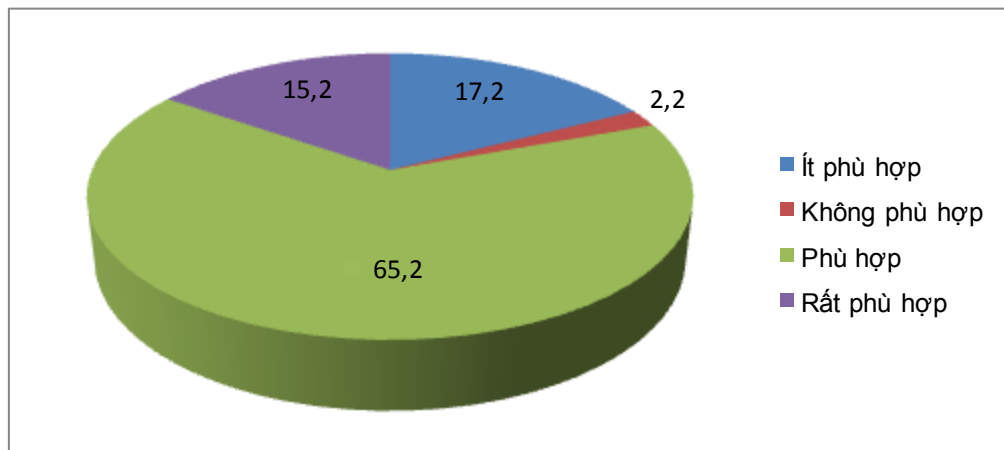
Trong số 224 SVTN trả lời câu hỏi “Hiện tại anh/chị đã có việc làm chưa?”, số lượng SVTN có việc làm là 201 SV (89.7%), 23 SVTN (10.3%) chưa tìm được việc làm.

Trong số 64 SVTN trễ hạn, có 56 SVTN đã có việc làm, 8 SVTN chưa có việc làm.



Biểu đồ 3. Số lượng SVTN đã có/chưa có việc làm theo đơn vị quản lý

* Mức độ phù hợp của công việc với ngành đào tạo

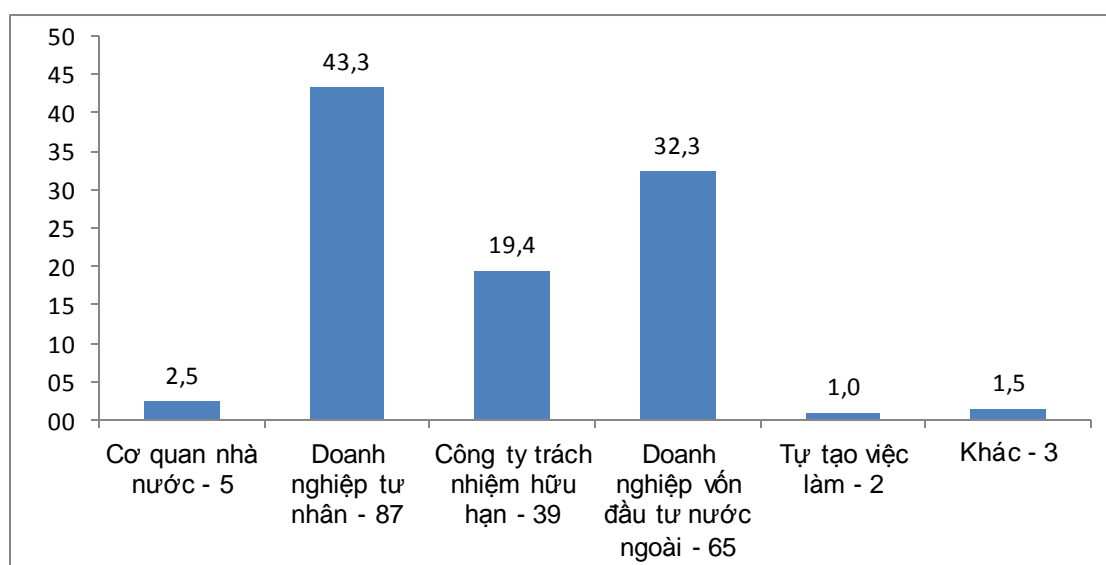


Biểu đồ 4. Mức độ phù hợp của công việc của SVTN với ngành đào tạo (%)

* Loại hình tổ chức và vị trí làm việc của SVTN

Phần lớn SV vừa tốt nghiệp của Trường đang làm việc cho các *doanh nghiệp tư nhân* (43.3%) và *doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài* (32.3%); một số khác làm việc tại các *công ty trách nhiệm hữu hạn* (19.4%) và các đơn vị thuộc khối *cơ quan nhà nước* (2.5%), đặc biệt, có 01 SVTN đã tự thành lập các công ty để kinh doanh.

Một số công ty/doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin – truyền thông có nhiều SVTN của Trường đang làm việc như: VNG (8 SVTN), KMS Technology (7 SVTN), TMA Solutions (6 SVTN), NashTech (5 SVTN), DXC Việt Nam (5 SVTN), FPT Software HCM (4 SVTN), Renesas Vietnam (4 SVTN),...



Biểu đồ 5. Loại hình tổ chức SVTN đang làm việc (%)

Dựa trên tần số xuất hiện các cụm từ, khảo sát đã thống kê một số vị trí công việc mà SV vừa mới tốt nghiệp của Trường đang làm việc:

- *Developer (Web, Android, Java, Back-end, Front-end...)* (62 lần)
- *Software engineer* (25 lần)
- *Lập trình viên* (15 lần)
- *Nhân viên kỹ thuật* (10 lần)
- *Quality control* (3 lần)
- *Administrator* (3 lần)

C. ĐÁNH GIÁ VÀ NHẬN XÉT VỀ KHÓA HỌC

Trường tìm hiểu ý kiến đánh giá của SVTN về khóa học ở 04 nội dung: mục tiêu và chương trình đào tạo; đội ngũ GV; công tác quản lý và phục vụ đào tạo; đánh giá chung.

Trường đã thực hiện kiểm tra độ tin cậy của thang đo ở 4 nhóm nội dung trên bằng phân tích Cronbach's Alpha. Kết quả thể hiện ở bảng sau:

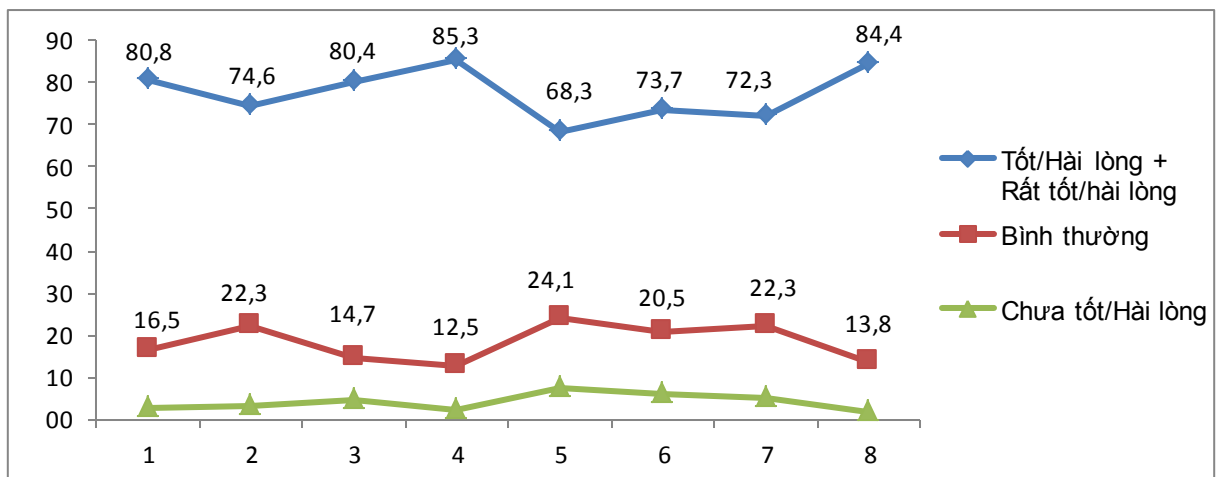
TT	Nội dung	Số lượng tiêu chí	Cronbach's Alpha của thang đo	Hệ số tương quan biến tổng của tiêu chí	Kết luận
1	Mục tiêu và chương trình đào tạo	8	0.891	Đều lớn hơn 0.4 và không có trường hợp loại bỏ tiêu chí nào có thể làm cho Cronbach's Alpha lớn hơn 0.891	Các tiêu chí có thể sử dụng được và đạt độ tin cậy
2	Đội ngũ GV	7	0.894		
3	Công tác quản lý và phục vụ đào tạo	7	0.899		
4	Đánh giá chung	5	0.910		

Bảng 3. Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo ở các nhóm tiêu chí

1. Đánh giá mục tiêu và chương trình đào tạo (CTĐT)

TT	Nội dung tiêu chí	Số lượng SVTN trả lời	Điểm trung bình
1	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phổ biến đến người học rõ ràng, đầy đủ	224	3.07
2	Chuẩn đầu ra nêu rõ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất người học cần đạt được	224	2.99
3	Trình tự các môn học được thiết kế logic, có sự kết hợp và củng cố lẫn nhau	224	3.01
4	Nội dung chương trình đào tạo thể hiện rõ học phần cơ bản, học phần cơ sở ngành, học phần chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp	224	3.13
5	Nội dung chương trình đào tạo được cập nhật	224	2.86
6	Chương trình đào tạo được phổ biến qua nhiều kênh và đến từng người học	224	2.92
7	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	224	2.88
8	Nhà trường tổ chức hoạt động dạy – học đúng theo chương trình đào tạo	224	3.13

Bảng 4. Số lượng SVTN đánh giá tiêu chí 1-8



Biểu đồ 6. Tỷ lệ SVTN đánh giá tiêu chí 1-8 (%)

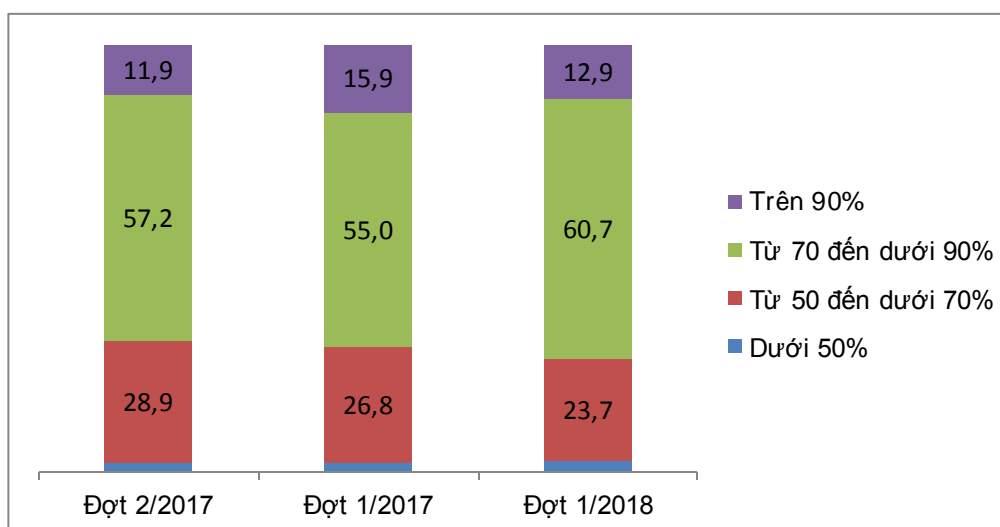
Nhìn chung, mức độ hài lòng (*gồm tốt/hài lòng và rất tốt/hài lòng*) của SVTN đối với nhóm tiêu chí này ít có sự thay đổi qua các đợt khảo sát gần đây: đợt 1/2018 (68.3 – 85.3%), đợt 2/2017 (64.8 – 84.9%), đợt 1/2017 (64.1 – 86.8%), đợt 2/2016 (64.8 - 84.9%), đợt 1/2016 (50.0 – 73.7%)

Đa số SVTN hài lòng về việc phổ biến chuẩn đầu ra đến người học, về thiết kế cấu trúc nội dung đào tạo và việc tổ chức giảng dạy của Nhà trường.

Tuy nhiên, SVTN đánh giá chưa cao về *mức độ cập nhật của chương trình đào tạo* (68.3%) và *tỷ lệ phân bổ lý thuyết và thực hành* (72.3%). Qua các đợt khảo sát, đây là 2 tiêu chí thường xuyên được cả SV và SVTN đề xuất Trường cải tiến để CTĐT có sự cập nhật, phù hợp với nhu cầu xã hội và sự phát triển trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

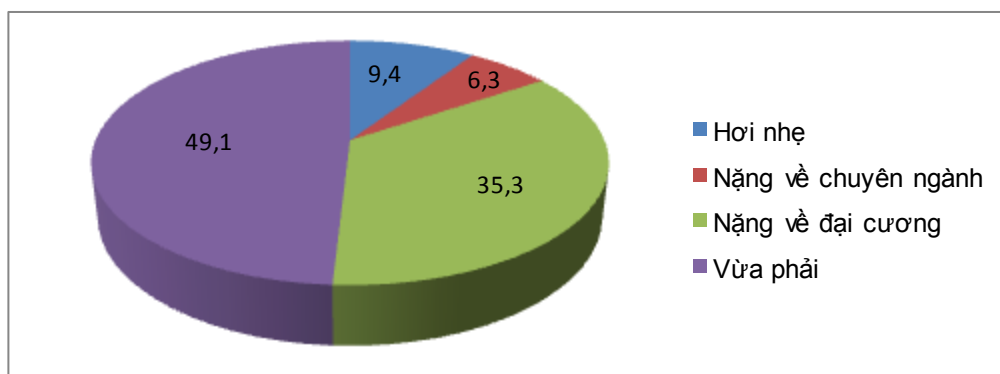
***Đánh giá tỷ lệ đạt chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT**

Dưới đây là tỷ lệ SVTN năm 2017 và đợt 1/2018 tự đánh giá mức độ đạt được CĐR toàn khóa học. Nhìn chung, khoảng 70 - 72% SVTN tự đánh giá đạt từ 70% – 100% các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp sau khi hoàn thành CTĐT.



Biểu đồ 7. Tỷ lệ SVTN tự đánh giá mức độ đạt CĐR (%)

***Đánh giá khối lượng CTĐT**

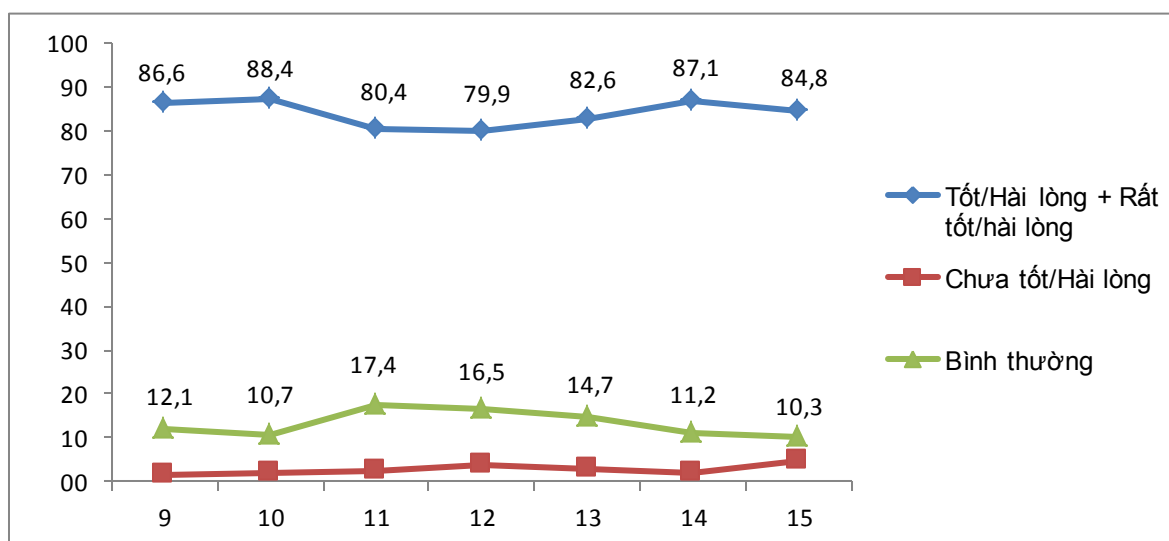


Biểu đồ 8. Tỷ lệ SVTN đánh giá khối lượng CTĐT đã học (%)

2. Đánh giá về đội ngũ giảng viên

TT	Nội dung tiêu chí	Số lượng SVTN trả lời	Điểm trung bình
9	Hầu hết giảng viên có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng	224	3.17
10	Hầu hết giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ Anh/Chị	224	3.22
11	Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp Anh/Chị hiểu được và vận dụng được kiến thức	224	3.00
12	Hầu hết giảng viên hướng dẫn Anh/Chị cách học tập chủ động và động cơ học tập suốt đời	224	3.03
13	Hầu hết giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	224	3.10
14	Hầu hết giảng viên đánh giá đúng, công bằng kết quả học tập của Anh/Chị	224	3.17
15	Cố vấn học tập thường xuyên cung cấp thông tin và hướng dẫn về điều kiện học tập và sinh hoạt cho Anh/Chị	224	3.15

Bảng 5. Số lượng SV đánh giá tiêu chí 9-15



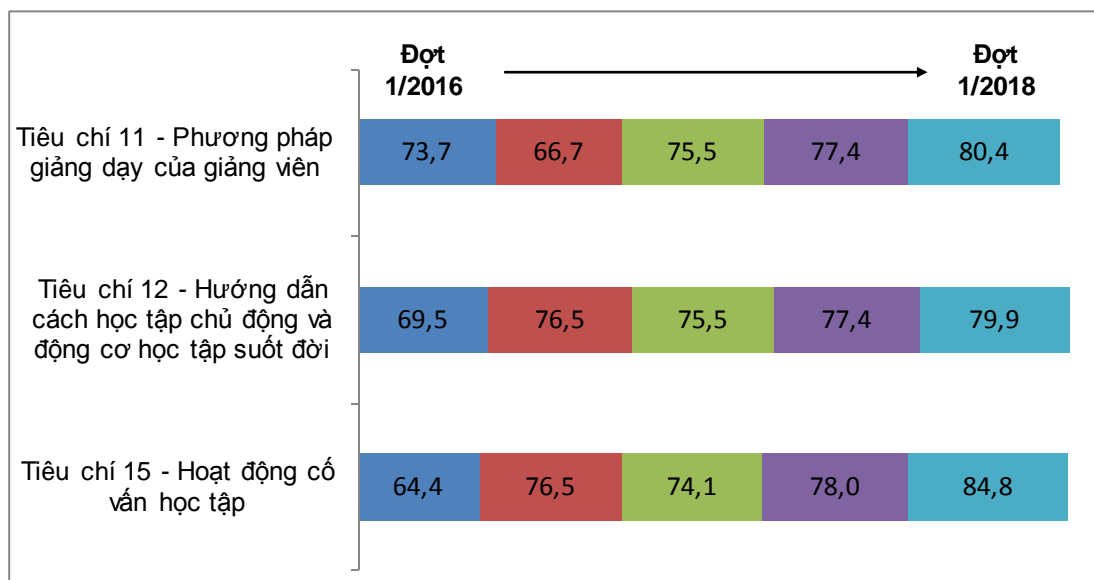
Biểu đồ 9. Tỷ lệ SVTN đánh giá tiêu chí 9-15 (%)

Khác với nhóm tiêu chí về CTĐT, mức độ hài lòng của SVTN về đội ngũ GV của Trường có xu hướng tăng dần nhẹ qua các đợt khảo sát, cụ thể: đợt 1/2018 (79.9 – 88.4%), đợt 2/2017 (77.4 – 84.9%), đợt 1/2017 (74.1 – 88.6%), đợt 2/2016 (66.7 – 84%), đợt 1/2016 (64.4 – 83.0%).

Phần lớn SVTN đều hài lòng về việc GV: *nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ SV* (88.4%); *đánh giá kết quả học tập chính xác, công bằng* (87.1%); *chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng* (86.6%).

Đáng chú ý, tiêu chí 15 về *hoạt động cố vấn học tập* có tỷ lệ tăng đáng kể, cho thấy đã có sự cải tiến về hoạt động này tại Trường trong những năm qua.

Dưới đây là 03 tiêu chí luôn có tỷ lệ hài lòng thấp nhất, tuy nhiên đã ngày càng được cải thiện:

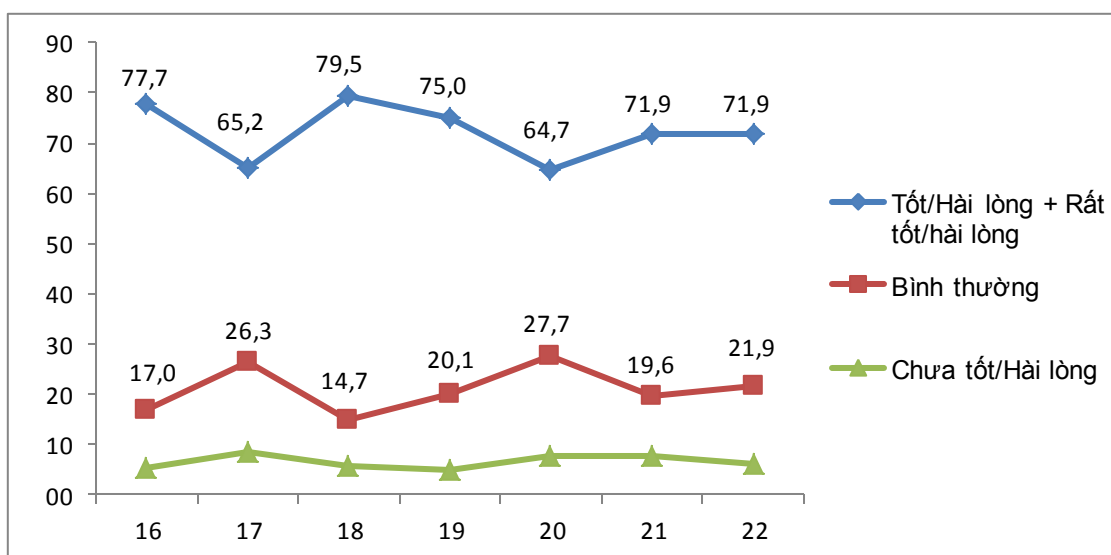


Biểu đồ 10. Tỷ lệ hài lòng đối với các tiêu chí 11, 12, 15 qua các đợt (%)

3. Đánh giá công tác quản lý và phục vụ đào tạo

TT	Nội dung tiêu chí	Số lượng SVTN trả lời	Điểm trung bình
16	Cán bộ, nhân viên văn phòng (phòng Đào tạo, CTSV, giáo vụ Khoa và các bộ phận khác) có thái độ phục vụ tốt, kịp thời	224	2.97
17	Phòng học/thí nghiệm đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo	224	2.78
18	Trang thiết bị phục vụ cho dạy – học được trang bị đầy đủ và hiện đại	224	2.78
19	Thư viện có đủ không gian, chỗ ngồi và tư liệu tham khảo cho nhu cầu học tập và nghiên cứu của Anh/Chị	224	3.03
20	Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời	224	2.93
21	Kết quả học tập được thông báo kịp thời	224	2.88
22	Hàng năm người học được giao lưu trực tiếp với Ban Giám hiệu/Chủ nhiệm khoa	224	2.94

Bảng 6. Số lượng SVTN đánh giá tiêu chí 16-22



Biểu đồ 11. Tỷ lệ SV đánh giá tiêu chí 16-22 (%)

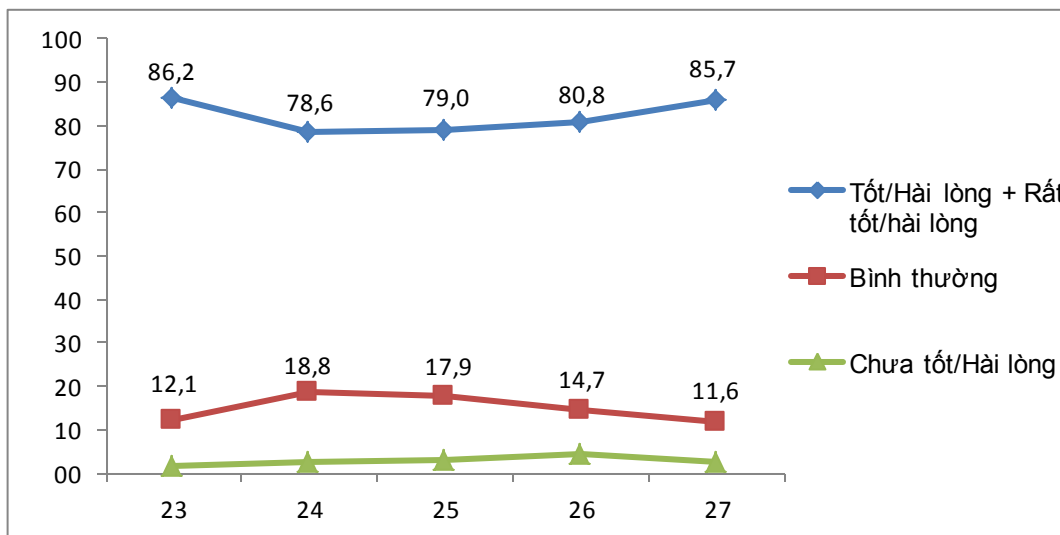
Về công tác quản lý và phục vụ đào tạo, SVTN đánh giá hài lòng ở mức từ 64.7 – 79.5%, giảm rõ so với đợt khảo sát 2/2017 (71.1 – 84.9%). Trong đó:

- Đáng chú ý nhất là tiêu chí 18- *Trang thiết bị phục vụ cho dạy – học được trang bị đầy đủ và hiện đại* (79.5%) lại là tiêu chí có tỷ lệ hài lòng cao nhất, trong khi tiêu chí này ở các đợt khảo sát trước luôn có tỷ lệ hài lòng khá thấp, cụ thể: đợt 2/2017 (71.1%), đợt 1/2017 (65.9%), đợt 2/2016 (56.8%), đợt 1/2016 (48%).
- Tiêu chí 19- *Thư viện có đủ không gian, chỗ ngồi và tư liệu tham khảo cho nhu cầu học tập và nghiên cứu* (75.0%) cũng có được SVTN hài lòng tương đối.
- Hai tiêu chí có tỷ lệ hài lòng thấp nhất lần lượt là tiêu chí 20 (64.7%) và tiêu chí 17 (65.2%).

4. Đánh giá chung

TT	Nội dung tiêu chí	Số lượng SVTN trả lời	Điểm trung bình
23	Anh/Chị được trang bị kiến thức và kỹ năng đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	224	3.13
24	Anh/Chị hài lòng về chất lượng đào tạo của khóa học	224	3.01
25	Anh/Chị hài lòng về công tác quản lý và phục vụ đào tạo	224	2.99
26	Anh/Chị hài lòng về chất lượng môi trường học tập, sinh hoạt tại Trường	224	3.02
27	Đánh giá chung của Anh/Chị về sự cải tiến của trường qua từng năm	224	3.14

Bảng 5. Số lượng SV đánh giá tiêu chí 23 – 27



Biểu đồ 8. Tỷ lệ SV đánh giá tiêu chí 23 – 27 (%)

SVTN đợt này đánh giá chung về Trường ở mức hài lòng tương đối cao từ 78.6 – 86.2% (tăng nhẹ so với các đợt khảo sát trước). Mức hài lòng về kiến thức, kỹ năng được trang bị sau khi học tập tại trường (86.2%) và sự cải tiến của Trường qua từng năm (85.7%) là cao nhất.

5. Ý kiến khác

Bên cạnh các tiêu chí đánh giá định lượng, Nhà trường cũng thu thập các ý kiến định tính của SVTN với câu hỏi “*Những điều của khóa học làm SVTN hài lòng hoặc không hài lòng*”. Các ý kiến chi tiết của 36 SVTN (gồm 30 ý kiến dành cho các ngành đào tạo; 13 ý kiến dành cho các phòng/ban/trung tâm) thể hiện ở phần Phụ lục.

D. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT CẢI TIẾN

1. Kết luận

Đợt tốt nghiệp 1/2018, Phòng TT-PC-ĐBCL phối hợp với Phòng ĐTDH, Văn phòng các CTĐB, Phòng CTSV và Phòng DL&CNTT đã khảo sát và thu được ý kiến của 224/293 SVTN, đạt tỷ lệ 76.5%.

Tuy nhiên, tỷ lệ này giảm hơn các đợt khảo sát trước do Trường có quy định mới về thời gian trao bằng cho SVTN, vì vậy, cần có sự tìm hiểu và thay đổi thời gian khảo sát SVTN.

Nhìn chung, tỷ lệ hài lòng của SVTN đối với các tiêu chí có sự tăng nhẹ so với các đợt khảo sát trước. Bên cạnh các tiêu chí có tỷ lệ SVTN hài lòng cao, còn 02 tiêu chí có tỷ lệ SVTN hài lòng thấp (dưới 70%) cần phải cải thiện thêm là:

- Tiêu chí 5- Nội dung chương trình đào tạo được cập nhật (68.3%);
- Tiêu chí 17- Phòng học/thí nghiệm đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo (65.2%);

- Tiêu chí 20 - Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời (64.7%).

2. Đề xuất

Căn cứ trên số liệu được xử lý và các ý kiến đóng góp thêm của SVTN, Phòng TT-PC-ĐBCL đề xuất Nhà trường thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hơn nữa sự hài lòng của SVTN về khóa học:

1. Khoa/bộ môn định kỳ rà soát, cải tiến CTĐT; GV điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình theo hướng tăng cường sự tương tác với SV trong các buổi lên lớp;
2. Phòng ĐTDH phối hợp với các khoa/bộ môn và GV tiếp tục cải thiện vấn đề về thông báo kết quả học tập cho SV trong thời gian sớm nhất.
3. Các khoa/bộ môn, phòng ban cần đẩy mạnh hoạt động tư vấn SV về học tập, sinh hoạt, hướng nghiệp; tạo thêm nhiều sân chơi lành mạnh, bổ ích thông qua đó rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho SV.
4. Phòng TT-PC-ĐBCL cần làm việc với Phòng ĐTDH và Văn phòng CTĐB để phối hợp trong việc phát phiếu khảo sát khi SV đến nhận bằng tốt nghiệp tại 2 đơn vị trên.
5. Khoa/Bộ môn thực hiện phản hồi/ báo cáo việc sử dụng kết quả khảo sát, đặc biệt là giải trình các ý kiến của SV nhằm thực hiện kế hoạch cải thiện và nâng cao chất lượng./.

**PHÒNG TT-PC-ĐBCL
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
(Đã ký)**

Trịnh Thị Mỹ Hiền

PHỤ LỤC
Ý KIẾN THÊM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 1 NĂM 2018

1. Góp ý đối với các Khoa/ Ngành: 30 ý kiến

TT	Ngành	Điều gì của khóa học làm Anh/ Chị hài lòng hoặc không hài lòng
Ngành Hệ thống Thông tin		
1.	NGÀNH HTTT (CTTT)	Khung chương trình học nên cho sinh viên làm ít nhất 1 đồ án lớn , thực tế yêu cầu chuẩn cấu trúc và tối ưu cho doanh nghiệp suốt 4 năm học (chưa tính luận văn). Như vậy, sinh viên sẽ biết những kiến thức gì nhà trường chưa dạy mà kịp thời hỏi và tự học.
2.	NGÀNH HTTT (CTTT)	Không hài lòng: Một số môn học sắp xếp thứ tự chưa hợp lý dẫn đến việc học lại kiến thức cũ trong một môn mới
3.	NGÀNH HTTT - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Nên buộc sinh viên đi thực tập doanh nghiệp sớm hơn .
4.	NGÀNH HTTT - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	<p>Hài lòng: thầy cô bộ môn rất tận tình giúp đỡ sinh viên năm cuối tham gia thực tập và hoàn thành chương trình học.</p> <p>Không hài lòng: Không phải sinh viên nào cũng lanh lợi, biết tính toán trước và tự vận động tìm kiếm nơi thực tập, tiếp xúc doanh nghiệp trước để lấy kinh nghiệm và học hỏi. Sinh viên năm nhất, năm hai và kể cả năm ba rất cần được quan tâm phổ biến các kiến thức về lĩnh vực ngành nghề và xu hướng phát triển và bản thân cần chuẩn bị gì để định hướng con đường phát triển nghề nghiệp và có thêm động lực để học tập, chứ không phải đợi tới năm cuối mới bắt đầu chạy, đây là điểm yếu chung của sinh viên trường đại học CNTT so với các trường CNTT khác trên địa bàn TP HCM.</p> <p>Rất mong ý kiến của các cựu sinh viên sẽ giúp các bạn các em khóa dưới có môi trường học tập tiên bộ hơn, phát huy khả năng của bản thân sớm nhất có thể, để sinh viên trường UIT các thế hệ sau có thể tự tin hơn đứng trước các đối thủ đến từ các trường 6 trong thị trường cạnh tranh khốc liệt. Chúc nhà trường ngày càng phát triển và có được các thế hệ thầy cô, sinh viên cống hiến, bản lĩnh và tài năng. Thân ái!</p>
Ngành Khoa học Máy tính		
5.	NGÀNH KHMT	Tất cả đều ôn ngoại trừ giờ thực hành quá ít , không thực hành nhiều dẫn đến chỉ có kiến thức sách vở mà không có chuyên môn lập trình, khó xin việc, nên cải thiện giờ học thực hành nhất là những môn chuyên ngành (hình thức thực hành 2 không đáp ứng được nhu cầu

		thực hành, 3 buổi 1 học kỳ là quá ít)
6.	NGÀNH KHMT	Cám ơn BGH nhà trường, giảng viên rất thân thiện với sinh viên.
7.	NGÀNH KHMT - CỬ NHÂN TÀI NĂNG	Thầy cô rất tuyệt vời. Cố vấn học tập và các thầy cô bộ môn đều rất nhiệt tình giúp đỡ và chỉ dẫn chúng em. UIT là tuyệt vời nhất
Ngành Kỹ thuật Máy tính		
8.	NGÀNH KTMT	Chương trình học dàn trải.
9.	NGÀNH KTMT	Làm ơn bỏ mấy môn chính trị tốn thời gian ra, nửa năm học chả để làm gì
10.	NGÀNH KTMT	Đối với chuyên ngành Thiết kế vi mạch của khoa KTMT. Các máy trong phòng lab của trường chưa hỗ trợ được , như những tool khi vào chuyên ngành sẽ phải cần là galaxy custom design, Icc,... Tool nặng mà mỗi lần bắt đầu khoá học, sinh viên lại phải copy từ giảng viên vào laptop cá nhân, rất lâu và bất tiện, vậy các máy tính trong phòng lab còn ý nghĩa chi? Linux phổ biến trong TKVM. Tuy nhiên, các bài thực hành chuyên ngành ko đáp ứng đủ để sinh viên phát triển kỹ năng này.
11.	NGÀNH KTMT	Em thực sự chưa đạt được điều em muốn đó là đạt được một sự thay đổi trong kỳ vọng về năng lực của mình trong môn học (chủ đề) đó. Và đó cũng là điều em mong mỏi nhất dù có phải học bao nhiêu năm đi nữa
12.	NGÀNH KTMT	Điều hài lòng nhất ở trường là sự vui vẻ nhộn nhịp của các Thầy Cô, anh chị trong trường. Điều không hài lòng nhất là kiến thức được học đa số đều cơ bản không có sự liên kết chặt chẽ nhiều với nhau, học ở năm nhất thì lên tới năm 3 năm 4 sẽ không còn nhớ gì về kiến thức ở năm 1 năm 2 nữa. Trong khi đó kiến thức mà đa số các công ty cần khi phỏng vấn thì chủ yếu là kiến thức năm 1 năm 2. Kiến thức căn bản cần sâu hơn nữa, và cần kỹ lưỡng hơn nữa để về sau sẽ dễ dàng ứng dụng hơn. Một lời cảm ơn sâu sắc đến Thầy Cô và anh chị trong trường đã giúp em hoàn thành chương trình đào tạo. I love you UIT. <3
13.	NGÀNH KTMT	Về đại cương và cơ sở ngành: ổn . Tuy nhiên, nên có một buổi định hướng chuyên ngành bắt buộc cho toàn bộ sinh viên khoa hằng năm nhằm củng cố, làm rõ quyết định chọn hướng đi, vị trí công việc sau khi tốt nghiệp. Có rất nhiều sv khoa không biết mình sẽ làm vị trí nào của chuyên ngành mình mong muốn, hoặc tới mức không biết rõ về từng chuyên ngành của khoa KTMT. Nếu có thể, tuyệt vời nhất là khoa ktmt nên rà soát thị trường việc làm xem doanh nghiệp đang có xu hướng tuyển gì, từ đó điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp , cần thực tế hơn nhiều trong việc xây dựng chương trình đào tạo (ví dụ: FPGA có thể là xu hướng của thế giới, hoặc RTL Designer cũng vậy, nhưng cần nhấn mạnh rằng TẠI VIỆT NAM hầu như không có ai tuyển, ngành IC tại VN hiện tại tập trung gia công, vì vậy hiện tại

		<p>nên giảm nhẹ hướng FPGA và đẩy mạnh những vị trí doanh nghiệp đang tuyển). Cũng từ vấn đề trên, chuyển sang chuyên ngành, về Analog IC Design thì sv khoa KTMT rất yếu, nếu ko muốn nói là thua đứt đuôi so với HCM UT hoặc HCM US, đây cũng là một vị trí ổn định trong ngành vì mạch 10 năm trở lại đây (những cty có tuyển như eSilicon, Microchip, Uniquify, Savarti) tuyển hằng năm vị trí này và hầu như sv UIT ko được đánh giá cao khi ứng tuyển. Về Digital IC Design, khoa khá tập trung vào front-end (cụ thể là RTL Design) mà bỏ lơ back-end, back-end của digital vốn là 1 vị trí đc tuyển nhiều tại VN, trong khi RTL Design thì hiện chỉ có Renesas tuyển. Kiến thức nào cũng hay, cũng cần và cũng tốt, nhưng quan trọng trước mắt là có sử dụng được tại thị trường Việt Nam hay không. Đồng thời, tầm nhìn định hướng của sinh viên cũng quan trọng không kém kiến thức. Xin góp ý như trên, mong rằng trong tương lai có thể giúp đỡ cho sv/khoa/trường nhiều hơn về lĩnh vực IC Design.</p>
Ngành Kỹ thuật Phần mềm		
14.	NGÀNH KTPM	<p>Giảng viên tâm huyết, nhiệt tình. Chương trình dạy ít được cập nhật.</p>
15.	NGÀNH KTPM	<p>Môi trường đào tạo tốt, cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu dạy và học cho sinh viên. Đội ngũ giảng viên có trình độ cao, giảng dạy tốt, nhiệt tình và tận tâm.</p>
16.	NGÀNH KTPM	<p>Mọi điều đều rất hài lòng</p>
17.	NGÀNH KTPM	<p>*Hài lòng: - Thực hành và lý thuyết phân bố phù hợp, học viên có thể đi làm ngay từ kỳ 2 năm 3 - Khoa tổ chức một số hoạt động kết nối doanh nghiệp, học thuật, thú vị nhưng hiệu quả ko đạt như mong đợi.</p> <p>* Không hài lòng: - Nội dung đại cương của khoa CNPM dạy chưa sâu. Kiến thức về toán, thống kê, giải thuật chưa sâu. - Cần cập nhật hơn nữa các công nghệ mới, không nên dạy các công nghệ đã quá cũ. Học viên cũng không đủ hứng thú để học các công nghệ này rồi ko dùng, ra đi làm phải học các công nghệ 6.</p>
18.	NGÀNH KTPM	<p>Kiến thức được giảng dạy ở trường đáp ứng tốt công việc</p>
19.	NGÀNH KTPM (CLC)	<p>Hiện tại, phần lớn các doanh nghiệp ở Việt Nam làm mảng outsourcing cho nên yêu cầu cao về mặt công nghệ, nên hạn chế học các môn không liên quan đến ngành để có thời gian học thêm những kiến thức thực sự cần thiết cho công việc.</p> <p>Các giảng viên hướng dẫn khóa luận cần thêm một giảng viên phụ để sinh viên có thể liên lạc, giúp đỡ vì các giảng viên hướng dẫn rất bận, nên bố trí các giảng viên trẻ, năng động để hỗ trợ các sinh viên khi giảng viên hướng dẫn bận việc.</p> <p>Ngoài ra nhà trường nên thêm các buổi tham quan các doanh nghiệp</p>

		cho các sinh viên, khuyến khích các sinh viên đi thực tập càng sớm càng tốt để có thể làm quen được với công việc sau này.
20.	NGÀNH KTPM (CLC)	Có một số giảng viên dạy rất nhiệt tình và truyền được niềm cảm hứng, điển hình nhất như: thầy Đỗ Phúc, Lê Văn Hợp, Dương Tôn Đảm, Phan Nguyệt Minh, Phan Bách Thắng, Nguyễn Minh Sơn, Nguyễn Thị Kim Phụng.
Ngành Truyền thông và Mạng máy tính		
21.	NGÀNH TT&MMT	Cảm ơn nhà trường, cảm ơn Thầy Cô, cảm ơn vì tất cả.
22.	NGÀNH TT&MMT	- Những thầy cô trẻ tuổi có thái độ dạy, quan tâm tới sinh viên rất nhiệt tình. Điều kiện cơ sở vật chất khá là ổn . - Những môn học của nhà trường còn khá đơn giản . Cần phải nặng hơn nữa trong việc đánh giá năng lực của học sinh qua các môn học.
23.	NGÀNH TT&MMT	Thực sự là chương trình học K8 MMT-TT hơi hoang mang, nó không tập trung chuyên sâu vô một cái mà cứ mỗi cái một ít một ít thành ra sinh viên phải tự định hướng là mình sẽ phải đi con đường nào sau khi ra trường
24.	NGÀNH TT&MMT	Học quá nhiều môn đại cương không cần thiết.
25.	NGÀNH TT&MMT	Khóa học giúp tôi trau dồi nhiều kỹ năng , trong đó có kỹ năng làm việc nhóm và khả năng tự học. Bên cạnh đó trường nên đầu tư nhiều về cơ sở vật chất, thư viện và những hỗ trợ cho sinh viên.
26.	NGÀNH TT&MMT	- Ở khoa mạng sinh viên được học 1 cách không rõ ràng về các môn . hầu hết sinh viên trong lớp ra đều đi làm về software vì đa số trong đó không có niềm đam mê với mạng. - Các môn học rất mông lung về kiến thức, chậm cập nhật . Lấy ví dụ ở môn Lập Trình ứng dụng web chỉ được học JSP. nhưng hiện giờ có bao nhiêu công ty dùng công nghệ đó và giảng viên lên lớp dạy rất qua loa nên những sinh viên nào chăm học ở nhà thì đi ra ngoài còn làm được việc luôn còn những người chỉ học trên trường họ phải mất một thời gian để training những kiến thức mới. - Cái mà sinh viên cần, xã hội cần lệch hướng so với những cái mà khoa đang dạy.
27.	NGÀNH TT&MMT	- Hải lòng : Giảng viên tận tâm, nhiệt tình . - Không hải lòng : Chương trình đào tạo quá nhiều: Các môn học cơ sở ngành, môn học chuyên ngành chưa tập trung vào một chuyên ngành cụ thể . Ví dụ như : Theo chuyên ngành "Quản trị và phát triển ứng dụng mạng" có bạn chỉ theo hướng phát triển ứng dụng (Web, Mobile) mà phải học cả các môn về quản trị mạng và ngược lại. Theo em Khoa nên xem xét tách riêng thành 2 chuyên ngành "Quản trị Mạng và hệ thống" và "Phát triển ứng dụng". + Chuyên ngành "Quản trị mạng và hệ thống" tập chung vào các môn học về: Network, System(Linux, Windows),

		Telecommunications, Cloud, Network/System Programming, Python, Basic Security... + Chuyên ngành "Phát triển ứng dụng" tập trung vào các môn học về: Programming (Web, Mobile, Network, IoT...), System/Database management, Basic Security....
28.	NGÀNH TT&MMT - CHUYÊN NGÀNH AN NINH THÔNG TIN	Giảng viên Vũ Trí Dũng dạy môn Kỹ Năng Nghề Nghiệp khiến tôi và rất nhiều bạn 6 cảm thấy rất không hài lòng!
29.	NGÀNH TT&MMT - CHUYÊN NGÀNH AN NINH THÔNG TIN	Vấn đề về ngành học cũng như khoa quản lí, 5 năm học không có cố vấn học tập tư vấn kế hoạch học tập . Thời gian học có thể được rút ngắn nhưng không có môn mở cũng như chương trình đào tạo chưa thống nhất nên không thể ra trường trước thời gian đào tạo.
30.	NGÀNH TT&MMT - CHUYÊN NGÀNH AN NINH THÔNG TIN	Hài lòng: Thầy trưởng khoa và thầy Bá Nhiệm luôn giúp đỡ SV khá nhiều . Không hài lòng: Về một số chương trình học gò bó và áp đặt SV .

2. Góp ý đối với phòng/ban/trung tâm: 13 ý kiến

TT	Ngành	Điều gì của khóa học làm Anh/ Chị hài lòng hoặc không hài lòng
1.	NGÀNH HTTT - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Em mong sao thái độ làm việc của nhân sự phòng đào tạo và phòng công tác sinh viên tốt hơn , ôn hòa hơn khi sinh viên đến nhận giấy chứng nhận, phiếu báo điểm và một số loại giấy tờ khác. Duy chỉ có phòng CTSV, sau 5 lần xin giấy xác nhận sinh viên tại trường thì có đến 3 lần em nhận giấy xác nhận trễ (> 48h ngày làm việc) làm ảnh hưởng kế hoạch của em. Em xin cảm ơn!
2.	NGÀNH HTTT - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Về vấn đề phô cập ngoại ngữ của trường: từ lúc bắt đầu cho tới lúc kết thúc các lớp học anh văn ở trường bản thân em là cảm thấy là chỉ tốn thời gian chứ không có thêm một chút kiến thức gì để giúp ích cho vấn đề chuẩn đầu ra và nền tảng cơ bản để ứng phó trong môi trường doanh nghiệp. Tại sao anh văn là một môn quan trọng trong ngành CNTT và cũng không hề thua kém các môn chuyên ngành nhưng lại không được tận dụng để rèn giũa sinh viên phục vụ chuẩn đầu ra cũng như biến nó thành thế mạnh của sinh viên trường mình. (PS: em là một đứa học khá anh văn và rất quý các thầy cô dạy anh văn của trường nhưng em không nhất trí với chương trình dạy thiếu động lực và không đúng giá trị mà sinh viên mong muốn).
3.	NGÀNH HTTT	Hài lòng: Quy trình làm việc, qui chế rõ ràng, minh bạch, cơ sở vật chất được cải thiện đáng kể

4.	NGÀNH KHMT	Máy tính có nhiều cái hư, thiếu máy, chương trình lỗi không chạy được hoặc máy cài quá nhiều chương trình nên bị chậm. Kết nối internet ra nước ngoài khá chậm trong lúc học nhưng điều này không quan trọng cho lắm (chủ yếu để tìm hướng dẫn, tài liệu bên forum nước ngoài)
5.	NGÀNH KTMT	Chương trình học dàn trải. Thái độ của các phòng ban không đúng giờ. Phòng kế hoạch tài chính làm việc trễ nải so với bản thông báo thời gian làm việc (trễ khoảng nửa tiếng). Tôi chỉ bức xúc khi sinh viên có lỗi thì phải làm giấy tờ, tường trình,... còn phòng ban có lỗi thì chỉ ghi là sinh viên thông cảm.
6.	NGÀNH KTMT (CLC)	Điểm rèn luyện không đánh giá đúng sự thật
7.	NGÀNH KTPM	Phòng máy còn khá đơn sơ.
8.	NGÀNH KTPM (CLC)	Học kì hè không mở lớp học lại và học cải thiện. Không hoàn toàn được chủ động chọn những môn chuyên ngành theo ý muốn. Chương trình hỗ trợ việc nâng cao trình độ Tiếng Anh còn sơ sài.
9.	NGÀNH TT&MMT	Không hài lòng: <ul style="list-style-type: none"> - Giờ học buổi chiều bắt đầu từ 13h00 nên sinh viên khó tập trung. - Đặt nặng điểm rèn luyện làm ảnh hưởng đến kết quả tốt nghiệp của nhiều sinh viên. - Các hoạt động ngoại khóa chưa thu hút sinh viên, sinh viên tham gia chủ yếu vì điểm rèn luyện. - Vào buổi trưa, căn tin chỉ phục vụ cơm không có các món khác (phở, hủ tít,...)
10.	NGÀNH TT&MMT	Nếu xem việc dạy học của nhà trường như việc trồng cây và học bổng khuyến khích học tập là những chất dinh dưỡng để thúc đẩy, khuyến khích cây phát triển. Thì học bổng nên được trao cho những sinh viên có khả năng học tập tiến bộ vượt bậc (bằng cách xét điểm kì sau trừ cho điểm kì trước) để khuyến khích học tập. Còn đối với những sinh viên giỏi rồi thì họ không cần khuyến khích họ cũng học giỏi.
11.	NGÀNH TT&MMT	Phòng máy cần được nâng cấp và đổi mới các máy chiếu ở những phòng học vì xài lâu nên nhìn quá mờ.
12.	NGÀNH TT&MMT - CHUYÊN NGÀNH AN NINH THÔNG TIN	Trường thông báo nghỉ học quá trễ, đôi khi 7h30 bắt đầu giờ học mà đến 8-9h DAA mới cập nhật thông báo nghỉ, đối với các bạn nhà xa đi học thì rất khó chịu, đi xa đến trường rồi lại phải đi về, phí thời gian. Trang thiết bị của phòng thực hành không thể đáp ứng được khả năng làm các bài lab của sinh viên. Máy rất giật lag khi sử dụng các phần mềm chuyên dụng của môn thực hành, hầu hết sinh viên phải tự mang máy của mình theo để thực hành, nhưng nếu tự mang máy theo thì mạng của các phòng thực hành quá chậm khó mà thực hiện bài thực hành trên lớp.

13.	NGÀNH TT&MMT - CHUYÊN NGÀNH AN NINH THÔNG TIN	Hải lòng: GV ở các văn phòng đào tạo, văn phòng khoa và văn phòng đặc biệt luôn hỗ trợ rất tốt SV. Không hài lòng: một số công tác hỗ trợ, phản hồi của phòng CTSV.
-----	--	--